

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đồng Nhân;

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Bà T và ông H qua mai mối và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến năm 2007, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng từ năm 2017, vợ chồng ly thân từ ngày 05/5/2020 đến nay. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Võ Minh H.

- Về nuôi con: Có ba người con chung:

+ Võ Lâm Sơn H, sinh ngày 10/5/2002 (nam), đang đi làm;

+ Võ Nữ Huỳnh G, sinh ngày 19/9/2003 (nữ), đang đi làm ở tỉnh Bình Dương;

+ Võ Nữ B, sinh ngày 30/9/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà T.

Khi ly hôn, Sơn H đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng Huỳnh G và B, không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2020, bị đơn ông Võ Minh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân như bà T trình bày là đúng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mâu thuẫn giữa vợ chồng như bà T trình bày là không đúng, ông H xác định không có khó khăn với vợ, con. Tuy mâu thuẫn giữa vợ chồng là có xảy ra nhưng không lớn. Bà T tự ý bỏ nhà đi 27 ngày, ông H tìm gặp bà T nhưng cả hai không hòa giải được mâu thuẫn, nay bà T yêu cầu ly hôn, ông H không đồng ý vì còn thương vợ, con.

- Về nuôi con: Có ba người con chung như bà T trình bày là đúng.

+ Võ Lâm Sơn H, sinh ngày 10/5/2002 (nam), đang đi làm;

+ Võ Nữ Huỳnh G, sinh ngày 19/9/2003 (nữ), đang đi làm ở tỉnh Bình Dương;

+ Võ Nữ B, sinh ngày 30/9/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà T.

Trường hợp ly hôn, Sơn H đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H yêu cầu nuôi dưỡng Huỳnh G và B, không yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Bà T bảo lưu quan điểm nêu trên, ngoài ra không có yêu cầu khác.

Ông Võ Minh H vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Võ Minh H, yêu cầu nuôi hai con chung, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Xét thấy, tranh chấp giữa bà T và ông H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông H cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Võ Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (lần 02) không lý do nên xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Võ Minh H qua mai mối và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến năm 2007, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2007, quyển số 01, ngày 27/12/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Võ Minh H được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H hay khó khăn trong cuộc sống, bà T tự ý bỏ nhà đi nhiều ngày, ông H tìm gặp bà nhưng cả hai không hòa giải được mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ ngày 05/5/2020 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H, ông H không đồng ý vì con thương vợ, con. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải hàn gắn hôn nhân ngày 25/5/2020 thì hai đương sự vẫn duy trì tình trạng ly thân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Võ Minh H theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có ba người con chung:

+ Võ Lâm Sơn H, sinh ngày 10/5/2002 (nam), đang đi làm;

+ Võ Nữ Huỳnh G, sinh ngày 19/9/2003 (nữ), đang đi làm ở tỉnh Bình Dương;

+ Võ Nữ B, sinh ngày 30/9/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà T.

Khi ly hôn, Sơn H đã trưởng thành nên bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T và ông H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng Huỳnh G và B, đây là yêu cầu chính đáng của các đương sự. Qua làm việc với cháu Huỳnh G và B thì các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ (Biên bản về việc ghi lời trình bày của đương sự ngày 25/5/2020), trong thời gian bà T và ông H ly thân thì cháu G và B sống với bà T, đời sống của các cháu được ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Võ Nữ Huỳnh G và Võ Nữ B cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng là hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Trần Thị T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 220, điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Võ Minh H.

- Về nuôi con: Có ba người con chung:

+ Võ Lâm Sơn H, sinh ngày 10/5/2002 (nam), đang đi làm;

+ Võ Nữ Huỳnh G, sinh ngày 19/9/2003 (nữ), đang đi làm ở tỉnh Bình Dương;

+ Võ Nữ B, sinh ngày 30/9/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà T.

Cháu Sơn H đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên không xem xét.

G các cháu Võ Nữ Huỳnh G và Võ Nữ B cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007150 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền